

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2021/TLST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng B

Địa chỉ: quận H1, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Việt H– Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch H – Ngân hàng B – Chi nhánh Móng Cái. (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 455/QĐ-BIDV.MC ngày 15/4/2022)

Bị đơn: Vũ Văn D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: xã Q (nay là khu Q, thị trấn Q1), huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền nợ: tính đến ngày 13/7/2021, bị đơn ông Vũ Văn D còn nợ Ngân hàng B tổng số tiền là: 733.671.777đ (bảy trăm ba mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là: 599.992.603đ (năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng), nợ

lãi trong hạn: 863.000đ (tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng), nợ lãi quá hạn: 132.816.174đ (một trăm ba mươi hai triệu tám trăm mười sáu nghìn một trăm bảy mươi bốn đồng).

- *Về tiến độ thanh toán*: kể từ ngày quyết định của Tòa án nhân dân huyện H có hiệu lực pháp luật, bị đơn ông Vũ Văn D phải thanh toán cho Ngân hàng B toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 13/7/2021 là 733.671.777đ (bảy trăm ba mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là: 599.992.603đ (năm trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng), nợ lãi trong hạn: 863.000đ (tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng), nợ lãi quá hạn: 132.816.174đ (một trăm ba mươi hai triệu tám trăm mười sáu nghìn một trăm bảy mươi bốn đồng) và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 14/7/2021 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2019/6400758/HĐTD ngày 15/3/2019.

- *Về xử lý tài sản bảo đảm*: tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/6400758/HĐBĐ ngày 15/03/2019 được ký kết giữa Ngân hàng B với ông Vũ Văn D đảm bảo thi hành án (đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/6400758/HĐTD ngày 15/03/2019). Nếu đến hạn ông Vũ Văn D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản thế chấp là chiếc xe khách nhãn hiệu FORD màu trắng, sản xuất tại Việt Nam năm 2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 047737; Biển đăng ký số 14B-027.60 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 10/04/2018 cho ông Vũ Văn D.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm và đối trừ khoản nợ, nếu không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng B thì ông Vũ Văn D phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

- *Về án phí*: Trả lại nguyên đơn Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.634.000đ (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2021/0013523 ngày 07/7/2021.

Bị đơn Vũ Văn D phải chịu 16.673.453đ (mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện H;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Hương Lan

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kê cả án phí).